

Số: 197/TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Ngôn ngữ Anh – Mã ngành 7220201

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung Trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-ĐHDL ngày 04 tháng 07 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và hiệu chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-ĐHDL ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Tổ công tác xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-ĐHDL ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Tổ công tác xây dựng đề án mở ngành đào tạo chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh - mã ngành 7220201;

Căn cứ Quyết định số 277 /QĐ-ĐHDL ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - mã ngành 7220201 trình độ đại học;

Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đã hoàn thiện Dự thảo Mục tiêu, Chuẩn đầu ra và Khung chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh - mã ngành 7220201 (có phụ lục đính kèm);

Trường Đại học Điện lực rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các cán bộ quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, các nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên và các bên liên quan cho bản Dự thảo;

Các ý kiến đóng góp vui lòng gửi về Trường Đại học Điện lực (qua email của Thư ký Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh: Nguyễn Thị Hồng Vân – vanth@epu.edu.vn) trước ngày 19 tháng 02 năm 2025. 

Nơi nhận:

- Các bên liên quan;
- Đăng Website Trường và Khoa;
- Lưu VT, Khoa NN.



Đinh Văn Châu

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**

DỰ THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Mã số: 7220201**

HÀ NỘI - 02/2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Ngôn ngữ Anh, Mã ngành: 7220201

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHDL, ngày tháng năm 2025
của Trường Đại học Điện lực)

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt:	Ngôn ngữ Anh
Tên tiếng Anh:	English Language
Mã ngành đào tạo:	7220201
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	4 năm
Tên văn bằng sau tốt nghiệp:	Bằng cử nhân
Tên đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 796/QĐ-KĐCL ngày 23 tháng 8 năm 2023 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Đại học ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng, có kiến thức, phẩm chất chính trị, đạo đức và có sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường có sử dụng tiếng Anh trong nước và quốc tế, liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn. Chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh cung cấp nền tảng vững chắc về ngôn ngữ, văn hóa, kiến thức chuyên ngành. Cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo và một ngoại ngữ thứ hai, có các kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động toàn cầu. Người học có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, năng lực học tập suốt đời; khả năng thích ứng môi trường làm việc, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp góp phần đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- **PEO1:** Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học cơ bản, công nghệ, khoa học chính trị và pháp luật.

- **PEO2:** Có kiến thức thực tế, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về ngành Ngôn ngữ Anh và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh; kiến thức tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại và du lịch và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả, giải quyết các yêu cầu, vấn đề đặt ra trong công việc.
- **2.2.1. Kỹ năng**
- **PEO3:** Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ, kỹ năng thích ứng và thực hành nghiệp vụ liên quan đến sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại, du lịch, giáo dục và một số lĩnh vực cơ bản khác để có thể làm việc hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp.
- **2.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**
- **PEO4:** Có đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng, có tinh thần học tập suốt đời, ý thức phát triển sự nghiệp và bản thân.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1 Chuẩn đầu ra

Bảng 1. Các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Ngôn ngữ Anh

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	Kiến thức
PLO1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật và khoa học xã hội; kiến thức về công nghệ thông tin, khoa học cơ bản để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn công việc;
PLO2	Áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ Anh trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, diễn ngôn ở mức tương đương bậc 5/6, năng lực ngoại ngữ hai ở mức tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong công việc;
PLO3	Nắm vững kiến thức lý thuyết, chuyên sâu về ngôn ngữ Anh để phân biệt được các hiện tượng ngữ nghĩa học, âm vị học, ngữ dụng học và lý thuyết dịch; kiến thức tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, thương mại, du lịch và giáo dục;
PLO4	Tổng hợp những kiến thức cơ bản của văn hoá, văn học, lịch sử, con người, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Anh, Mỹ, một số nước nói

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	tiếng Anh; văn hóa các nước ASEAN, sự giao thoa văn hóa, liên văn hóa để phục vụ cho giao tiếp, nghiên cứu và ứng dụng trong môi trường công việc;
	Kỹ năng
PLO5	Áp dụng thành thạo các kỹ năng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc hiệu quả trong các tình huống công việc khác nhau;
PLO6	Vận dụng các kỹ năng thực hành tiếng Anh và kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến dịch thuật, giảng dạy, điều phối, quản lý các hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại và du lịch và các lĩnh vực khác;
PLO7	Thể hiện kỹ năng mềm cá nhân: tổ chức làm việc nhóm và làm việc độc lập, tư duy phản biện, giao tiếp, thuyết trình, sử dụng công nghệ, giải quyết vấn đề;
PLO8	Thể hiện tư duy sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, phương pháp luận và thể giới quan khoa học, năng lực nghiên cứu khoa học, khám phá kiến thức, sáng tạo về các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;
	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO9	Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, đảm bảo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, có thái độ làm việc tích cực chuyên nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;
PLO10	Thể hiện khả năng thích ứng với sự thay đổi đa dạng của công việc trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, ý thức tự chủ tự chịu trách nhiệm phát triển sự nghiệp và bản thân, chủ động học tập suốt đời.

3.2 Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2 Chỉ báo chuẩn đầu ra CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh

	Chuẩn đầu ra ngành NNA			Trọng số (%)
PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra	PIs	Chỉ báo PI	
	Kiến thức			

PLO1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật và khoa học xã hội; kiến thức về công nghệ thông tin, khoa học cơ bản để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn công việc;	PI1.1	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, khoa học cơ bản vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn nghề nghiệp.	50
		PI1.2.	Vận dụng các kiến thức về công nghệ thông tin để giải quyết tình huống, vấn đề liên quan đến thực tiễn nghề nghiệp.	30
		PI1.3	Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp luật và khả năng tư duy về các vấn đề trong bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số	20
PLO2	Áp dụng các kiến thức về ngôn ngữ Anh trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, diễn ngôn ở mức tương đương bậc 5/6, năng lực ngoại ngữ hai ở mức tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong công việc;	PI2.1	Vận dụng các kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, gồm phát âm và ngữ điệu, để phân tích âm tiết, xác định trọng âm và giao tiếp hiệu quả.	5
		PI2.2	Vận dụng các kiến thức về từ vựng tiếng Anh để áp dụng trong các tình huống giao tiếp khác nhau	5
		PI2.3	Vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh để phân tích các dạng câu khác nhau.	10
		PI2.4	Vận dụng kiến thức tiếng Anh để đọc hiểu và phân tích các văn bản tiếng Anh từ đơn giản đến phức tạp, bao gồm các bài viết học thuật, báo chí, văn chương, tài liệu chuyên ngành.	15
		PI2.5	Vận dụng kiến thức tiếng Anh để viết, soạn thảo các loại văn bản bằng tiếng Anh khác nhau, bao gồm bài luận, báo cáo, thư tín thương mại và email, với cấu trúc và phong cách phù hợp.	15
		PI2.6	Vận dụng kiến thức tiếng Anh để nghe hiểu các đoạn hội thoại, bài giảng, và các chương trình phát thanh tiếng Anh với độ chính xác cao.	15

		PI2.7	Vận dụng kiến thức tiếng Anh để trình bày ý kiến một cách lưu loát và tự tin trong các cuộc thảo luận và thuyết trình bằng tiếng Anh.	15
		PI2.8	Vận dụng kiến thức ngoại ngữ 2 để giao tiếp trong các tình huống công việc có liên quan đến ngoại ngữ 2.	10
PLO3	Nắm vững kiến thức lý thuyết, chuyên sâu về ngôn ngữ Anh để phân biệt được các hiện tượng ngữ nghĩa học, âm vị học, ngữ dụng học và lý thuyết dịch; kiến thức tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, thương mại, du lịch và giáo dục;	PI3.1	Vận dụng kiến thức ngữ nghĩa học để phân tích, lý giải các nét nghĩa của từ và cụm từ, bao gồm các nghĩa đen và nghĩa bóng trong tiếng Anh.	20
		PI3.2	Vận dụng kiến thức về quy tắc âm vị học tiếng Anh, bao gồm cách thức phát âm các âm vị và sự biến đổi âm vị trong tiếng Anh.	20
		PI3.3	Vận dụng kiến thức về các nguyên tắc ngữ dụng học tiếng Anh để hiểu và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp thực tế.	15
		PI3.4	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ học so sánh đối chiếu để so sánh và đối chiếu các đặc điểm ngữ pháp, ngữ âm, và ngữ nghĩa giữa tiếng Anh và tiếng Việt.	15
		PI3.5	Vận dụng kiến thức lý thuyết dịch để giải quyết các vấn đề liên quan đến dịch thuật giữa tiếng Anh và tiếng Việt.	15
		PI3.6	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ, lý luận và phương pháp giảng dạy để có thể tổ chức các hoạt động dạy học.	15
PLO4	Tổng hợp những kiến thức cơ bản của văn hoá, văn học, lịch sử, con người, xã hội,	PI4.1	Hệ thống hóa kiến thức về đặc trưng đất nước, con người của các quốc gia nói tiếng Anh để ứng dụng trong giao tiếp, nghiên cứu và ứng dụng trong môi trường công việc.	30

	kinh tế, chính trị và giáo dục Anh, Mỹ, một số nước nói tiếng Anh; văn hóa các nước ASEAN, sự giao thoa văn hóa, liên văn hóa để phục vụ cho giao tiếp, nghiên cứu và ứng dụng trong môi trường công việc;	PI4.2	Hệ thống hóa các đặc trưng văn hóa, văn học, xã hội và lịch sử của các quốc gia nói tiếng Anh để ứng dụng trong giao tiếp, nghiên cứu và ứng dụng trong môi trường công việc.	30
		PI4.3	So sánh các đặc trưng về đất nước, con người, văn hóa, văn học, xã hội và lịch sử của các quốc gia nói tiếng Anh với Việt Nam để cải thiện khả năng giao tiếp liên văn hóa.	20
		PI4.4	Phân tích các đặc trưng về đất nước, con người, văn hóa, văn học, xã hội và lịch sử của các quốc gia nói tiếng Anh để thực hiện các dự án nghiên cứu liên quan đến văn hóa, xã hội, và lịch sử của các quốc gia nói tiếng Anh.	20
Kỹ năng				
PLO5	Áp dụng thành thạo các kỹ năng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc hiệu quả trong các tình huống công việc khác nhau;	PI5.1	Nắm vững các kỹ năng Nghe - Nói tiếng Anh để giao tiếp hiệu quả trong các cuộc hội thoại hàng ngày và trong môi trường công việc.	35
		PI5.2	Nắm vững các kỹ năng Đọc - Viết tiếng Anh để hiểu và viết các tài liệu văn bản, bài viết học thuật, và thư tín tiếng Anh.	35
		PI5.3	Nắm vững các kỹ năng tiếng Anh để thực hiện các cuộc phỏng vấn, đàm phán và thương lượng bằng tiếng Anh với đối tác trong và ngoài nước.	30
PLO6	Vận dụng các kỹ năng thực hành tiếng Anh và kiến thức tiếng Anh chuyên ngành	PI6.1	Sử dụng các phương pháp dịch thuật thích hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Anh trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại và du lịch và các lĩnh vực khác;	30

	để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến dịch thuật, giảng dạy, điều phối, quản lý các hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại và du lịch và các lĩnh vực khác;	PI6.2	Kết hợp kỹ năng biên dịch để dịch các báo cáo, tài liệu nghiên cứu và bài viết học thuật trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại và du lịch và các lĩnh vực khác.	30
		PI6.3	Kết hợp kỹ năng phiên dịch nối tiếp và đồng thời để dịch thuật hiệu quả trong các sự kiện, hội thảo liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế thương mại và du lịch và các lĩnh vực khác.	20
		PI4	Vận dụng các phương pháp giảng dạy tiếng Anh hiệu quả, phù hợp với đối tượng người học và bối cảnh giáo dục.	20
PLO7	Thể hiện kỹ năng mềm cá nhân: tổ chức làm việc nhóm và làm việc độc lập, tư duy phản biện, giao tiếp, thuyết trình, sử dụng công nghệ, giải quyết vấn đề;	PI7.1	Hình thành và phát triển kỹ năng lập luận, tư duy phản biện.	20
		PI7.2	Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán.	20
		PI7.3	Hình thành và phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng AI trong công việc.	20
		PI7.4	Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.	20
		PI7.5	Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề.	20
PLO8	Thể hiện tư duy sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, phương pháp luận và thế giới quan khoa học, năng lực nghiên	PI8.1	Thể hiện tư duy phương pháp luận liên quan đến các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.	30
		PI8.2	Thể hiện tư duy về thế giới quan khoa học về các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.	30

	cứu khoa học, khám phá kiến thức, sáng tạo về các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;	PI8.3	Thể hiện năng lực nghiên cứu khoa học như tìm kiếm, tổng hợp, đánh giá các tài liệu khoa học, xây dựng câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu về các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.	30
		PI8.4	Đề xuất các ý tưởng đổi mới sáng tạo vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Hoàn thành ít nhất một dự án cá nhân liên quan đến lĩnh vực chuyên môn với kế hoạch và mục tiêu rõ ràng.	10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
PLO9	Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, đảm bảo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, có thái độ làm việc tích cực chuyên nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;	PI9.1	Hình thành khả năng làm việc chủ động, chuyên nghiệp, tự định hướng hoạt động chuyên môn; khả năng tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc.	40
		PI9.2	Trau dồi đạo đức, ý thức trách nhiệm trong công việc và đối với cộng đồng.	60
PLO10	Thể hiện khả năng thích ứng với sự thay đổi đa dạng của công việc trong bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số, ý thức tự chủ tự chịu trách nhiệm phát triển sự nghiệp và bản thân, chủ động học tập suốt đời.	PI10.1	Nhận diện năng lực bản thân trong biến động của bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số, có khả năng thích ứng điều chỉnh làm việc trong điều kiện làm việc thay đổi.	40
		PI10.2	Hình thành năng lực tự chủ, chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	40
		PI10.3	Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cá nhân, xác định mục tiêu và phương hướng phát triển trong tương lai.	

4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh trang bị cho sinh viên tốt nghiệp năng lực để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, sau khi ra trường sinh viên có thể làm theo các định hướng và vị trí sau:

Định hướng Quản trị văn phòng

Nhóm 1: Chuyên viên quản trị văn phòng: có khả năng làm việc trong các văn phòng các công ty nước ngoài, liên doanh, hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến quản lý và điều hành công việc văn phòng, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại, du lịch.

Nhóm 2: Chuyên viên quản lý dự án: có khả năng làm việc trong các văn phòng dự án của các công ty trong nước và nước ngoài, văn phòng dự án các ban ngành, cơ quan nhà nước; tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng, lập kế hoạch, chương trình làm việc của dự án; theo dõi tiến độ thực hiện dự án; xử lý các vấn đề phát sinh liên quan tới dự án, đặc biệt là các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

Nhóm 3: Chuyên viên quản trị nhân sự: có khả năng làm việc hiệu quả trong phòng nhân sự thuộc các cơ quan, công ty hoặc tổ chức của Việt Nam hay nước ngoài, phụ trách các công việc liên quan đến tuyển dụng nhân sự, có năng lực để tham gia vào các hoạt động chuyên môn khác nhau của tổ chức; linh hoạt, chuẩn xác và liêm chính trong sử dụng, luân chuyển và đánh giá nguồn nhân lực tại nơi làm việc, sáng tạo và năng động trong việc tìm kiếm nhân sự chất lượng cao, đồng thời có khả năng đảm bảo duy trì nguồn nhân lực thường xuyên và đầy đủ cho mọi hoạt động của cơ quan, công ty hay tổ chức mình làm việc.

Nhóm 4: Chuyên viên điều hành du lịch: có khả năng làm việc trong các văn phòng, đại lý du lịch, trực tiếp điều hành các tour du lịch trong và ngoài nước; xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch và điều phối hướng dẫn viên cho các tour du lịch; giữ liên lạc với các đối tác để thực hiện các dịch vụ du lịch cho lữ khách trong và ngoài nước; khai thác và tìm kiếm đối tác để chọn lựa được những đối tác cung cấp dịch vụ tốt nhất; hỗ trợ cập nhật thông tin xây dựng các sản phẩm du lịch; xây dựng cơ sở dữ liệu điều hành phục vụ công tác chuyên môn.

Nhóm 5: Chuyên viên truyền thông: có khả năng tham gia làm việc tại các cơ quan hay tổ chức truyền thông của Việt Nam hay nước ngoài (các tòa soạn báo hoặc các đài truyền hình), phụ trách các nhiệm vụ liên quan đến quản trị công việc cũng như nhân viên thực hiện các công việc cụ thể đó nhằm đảm bảo cho những công việc này được diễn ra trôi chảy và hiệu quả; bên cạnh đó, còn có khả năng phụ giúp và hỗ trợ một số công tác chuyên ngành hay giao tiếp đòi hỏi khả năng đọc-viết, nghe-nói tiếng Anh.

Nhóm 6: Trợ lý/quản trị kinh doanh: có khả năng làm việc trong các phòng kinh doanh, bán hàng, tiếp thị, dịch vụ khách hàng, quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có khả năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, xử lý văn bản tốt, đặc biệt là bằng tiếng Anh; có khả năng hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ quản lý thị trường; xây dựng và khai thác thị trường mới; có khả năng làm việc độc lập, xử lý các vấn đề phát sinh một cách hiệu quả.

Nhóm 7: Trợ lý tài chính- ngân hàng. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh định hướng tài chính- ngân hàng có thể đảm nhận vị trí trợ lý, tư vấn, hỗ trợ các công việc, giao dịch quốc tế liên quan đến tài chính-ngân hàng.

Định hướng Phiên dịch

Nhóm 1: Biên dịch viên/ Phiên dịch viên/ Biên tập viên: Có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Nhóm 2: Thư ký văn phòng/ Trợ lý đối ngoại/ Hướng dẫn viên du lịch: Có khả năng làm việc trong các văn phòng công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lý các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

Định hướng Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ngôn ngữ học ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí như: Giáo viên, giảng viên giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác, cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, cán bộ phụ trách báo chí truyền thông tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương. Ngoài ra, cử nhân tốt nghiệp ngành này còn có thể làm tư vấn và hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình, biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản song ngữ và làm việc tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

Định hướng Quốc tế học

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh định hướng Quốc tế học có thể đảm nhận các vị trí như: cán bộ giảng dạy môn đất nước học tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và Quốc tế học, cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quốc tế học, cán bộ đối ngoại tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương cũng như làm các công việc báo chí, xuất bản liên quan đến mảng văn hóa, chính trị.

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ Đại học ngành Ngôn ngữ Anh được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm bằng tốt nghiệp đại học của các ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn du lịch; có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) ở các ngành gần, ngành phù hợp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước như Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Thạc sĩ Giáo dục học, Thạc sĩ Quản lý giáo dục; trình độ Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Tiến sĩ Ngôn ngữ so sánh đối chiếu, Tiến sĩ Ngôn ngữ Anh, Tiến sĩ Giáo dục học, Tiến sĩ Quản lý Giáo dục. Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao để cấp các chứng chỉ như chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ TESOL (Teaching English to Speakers of Other Languages), hoặc các khóa học về kỹ năng mềm và kỹ năng lãnh đạo quản lý.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Bao gồm 124 tín chỉ không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

7. Các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế đã tham khảo

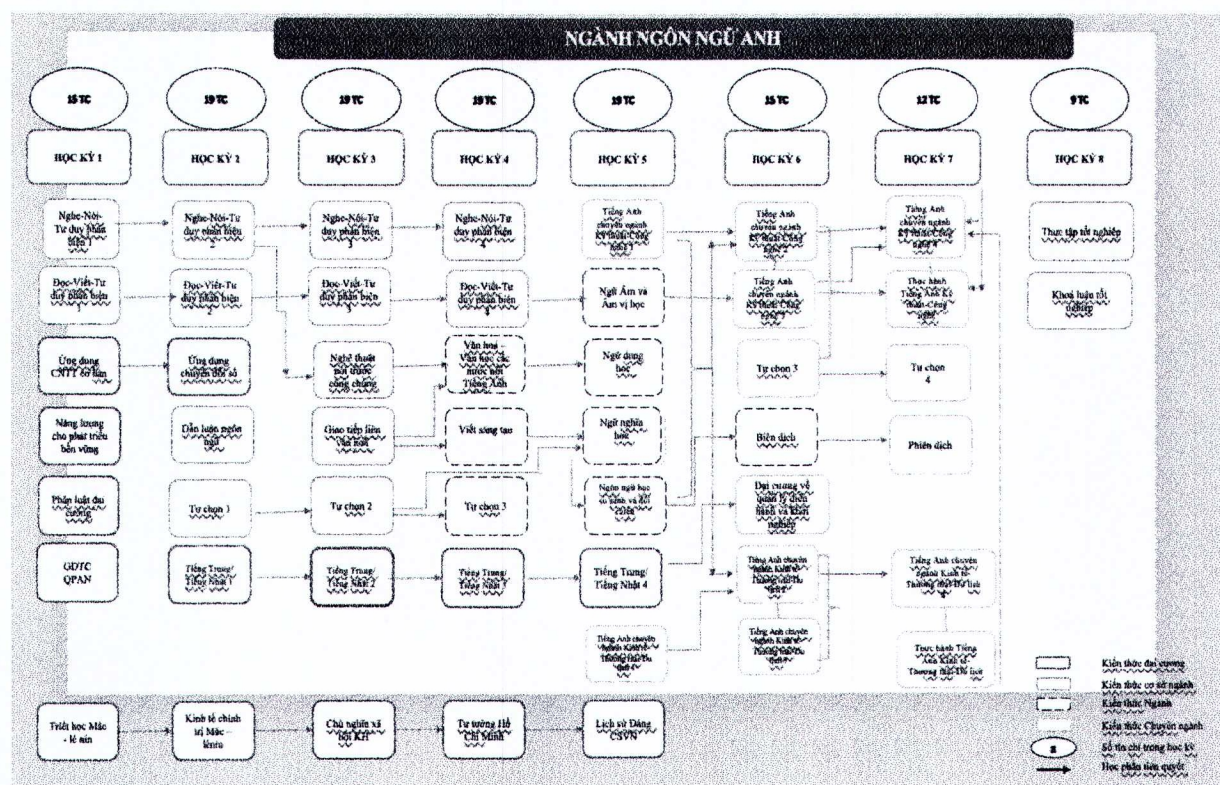
7.1 Các chương trình đào tạo trong nước

STT	Tên trường	Chương trình đào tạo
1	Đại học Bách khoa Hà Nội	Ngôn ngữ Anh
2	Đại học Quốc tế Sài Gòn	Ngôn ngữ Anh
3	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM	Ngôn ngữ Anh

7.2 Các chương trình đào tạo quốc tế

STT	Tên trường	Chương trình đào tạo
1	Bangkok University (Thailand)	Ngôn ngữ Anh
2	Batangas State University (Philippines)	Ngôn ngữ Anh

8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh



9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình

(Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: cao)

TT	Tên môn học	Mã học phần	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương												
1.1	<i>Khoa học chính trị, pháp luật</i>												
1	Triết học Mác Lênin	003923	3	1					2			3	3
2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	2	1					2			3	3
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	2	1					2			3	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	2	1					2			3	3
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	2	1					2			3	3
6	Pháp luật đại cương	002018	2	1					2			3	3
1.2	<i>Khoa học xã hội</i>												
	<i>Bắt buộc</i>												
7	Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp	004551	3							2			
	<i>Tự chọn (chọn 1 trong các học phần sau)</i>												

TT	Tên môn học	Mã học phần	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	004546	3	1	1		2						2
9	Văn hóa các nước ASEAN <i>Introduction to Southeast Asian Cultures</i>	Môn mới	3				2						2
10	Tâm lý học giáo dục	Môn mới	3	1	1				2			2	2
1.3	Ngoại ngữ 2 (chọn 1 trong 2 mô đun)												
Mô đun 1 (Module 1)													
11	Tiếng Trung 1	Môn mới	3		1								
12	Tiếng Trung 2	Môn mới	3		1								
13	Tiếng Trung 3	Môn mới	2		2								
14	Tiếng Trung 4	Môn mới	2		2								
Mô đun 2 (Module 2)													
15	Tiếng Nhật 1	Môn mới	3		1								
16	Tiếng Nhật 2	Môn mới	3		1								
17	Tiếng Nhật 3	Môn mới	2		2								
18	Tiếng Nhật 4	Môn mới	2		2								
1.4	Khoa học cơ bản và tin học												

TT	Tên môn học	Mã học phần	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	Dẫn luận ngôn ngữ <i>Introduction to linguistics</i>	Môn mới	3	2	3	3	2	2	2	1			3
32	Giao tiếp liên văn hoá <i>Intercultural Communication</i>	Môn mới	3		2	2	2	3	2	1			3
33	Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 1 <i>Listening -Speaking & Critical Thinking 1</i>	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	2	2		2
34	Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 1 <i>Reading - Writing & Critical Thinking 1</i>	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	2	2		2
35	Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 2 <i>Listening -Speaking &Critical Thinking 2</i>	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	2	2		2
36	Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 2 <i>Reading - Writing & Critical Thinking 2</i>	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	2	2		2
37	Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 3 <i>Listening -Speaking & Critical Thinking 3</i>	Môn mới	3	1	3	3	3	3	3	3	3		2
38	Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 3	Môn mới	3	1	3	3	3	3	3	3	3		2

TT	Tên môn học	Mã học phần	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<i>Reading - Writing & Critical Thinking 3</i>												
39	Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 4 <i>Listening -Speaking & Critical Thinking 4</i>	Môn mới	3	1	3	3	3	3	3	3	3		2
40	Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 4 <i>Reading - Writing & Critical Thinking 4</i>	Môn mới	3	1	3	3	3	3	3	3	3		2
41	Viết nội dung và sáng tạo <i>Content and creation writing</i>	Môn mới	2	1	3	3	3	3	3	3	3		2
2.1.2	Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn 2TC)												2
42	Quản lý dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	Môn mới	2	1		2	2	2	2	3	3	1	2
43	Ngôn ngữ và truyền thông <i>Language and Media</i>	Môn mới	2	2	3	2	3	3	3	3	2		2
44	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý <i>(Leadership and management skills)</i>	004691	2	3						3		2	2
45	Ngữ âm thực hành <i>(Practical Pronunciation)</i>	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2			2	2

TT	Tên môn học	Mã học phần		KIẾN THỨC				KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
46	Ngữ pháp ứng dụng (<i>English Grammar in Academic Writing</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2			2	2
2.2	Kiến thức ngành												
2.2.1	Kiến thức ngành bắt buộc												
47	Ngữ âm - Âm vị học (<i>Phonetics and Phonology</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2			2	2
48	Ngữ nghĩa học (<i>Semantics</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2			2	2
49	Ngữ dụng học (<i>Pragmatics</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2			2	2
50	Văn hóa – Văn học các nước nói tiếng Anh (<i>Culture – Literature of English speaking countries</i>)	Môn mới	3	1	1		3					2	2
51	Biên dịch (<i>Interpretation</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	3	3	2	2
52	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu (<i>Contrastive linguistics</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	3	3	2	2
53	Phiên dịch (<i>Interpretation</i>)	Môn mới	3	1	2	2	2	2	2	3	3	2	2
2.2.2.	Kiến thức ngành tự chọn (Chọn 3 TC)												
54	Phân tích diễn ngôn (<i>Discourse Analysis</i>)	Môn mới	3		3	3	3	3	3	3	3	2	2

TT	Tên môn học	Mã học phần	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<i>(English for Engineering and Technology 2)</i>												
60	Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ 3 <i>(English for Engineering and Technology 3)</i>	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
61	Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ 4 <i>(English for Engineering and Technology 4)</i>	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
62	Thực hành Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ <i>(Practice of English for Engineering and Technology)</i>	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
	Mô đun 2: Tiếng Anh Kinh tế, Thương mại, Du lịch <i>(English for Business)</i>												
63	Tiếng Anh Kinh tế, Thương mại, Du lịch 1 <i>(English for Business 1)</i>	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
64	Tiếng Anh Kinh tế, Thương mại, Du lịch 2 <i>(English for Business 2)</i>	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
65	Tiếng Anh Kinh tế, Thương mại, Du lịch 3 <i>(English for Business 3)</i>	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2

TT	Tên môn học	Mã học phần	KIẾN THỨC					KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
66	Tiếng Anh Kinh tế, Thương mại, Du lịch 4 (<i>English for Business 4</i>)	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
67	Thực hành Tiếng Anh Kinh tế, Thương mại, Du lịch (<i>Practice of English for Business</i>)	Môn mới	3	2	2				3	3	2	2	2
2.3.1.2.	Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 1 HP)												
68	Biên dịch chuyên ngành (<i>Translation for Specific Purposes</i>)	Môn mới	3		3	3	3	3	3	3	3		3
69	Dịch hội thảo: lý thuyết và thực hành (<i>Conference Interpretation: Theories and Practice</i>)	Môn mới	3		3	3	3	3	3	3	3		3
70	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh (<i>Research Methods in English language</i>)	Môn mới	3	2	2		3			3	3	3	3
2.3.2	Thực tập (SV lựa chọn 1 trong 2 hình thức)												
	Hình thức 1 – Thực tập doanh nghiệp 1HP và 2HP bắt buộc tại chương trình học thuật												

TT	Tên môn học	Mã học phần		KIẾN THỨC				KỸ NĂNG				TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
			TC	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO	PLO
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
71	Thực tập doanh nghiệp 1 và báo cáo thực tập		9	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	<i>Hình thức 2 – Thực tập doanh nghiệp 2 HP và 1 HP bắt buộc tại chương trình học thuật</i>												
72	Thực tập doanh nghiệp 2 và báo cáo thực tập		9	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
2.3.3	Công nhận tín chỉ và chương trình học thuật 2+2 (SV được công nhận tín chỉ năm 1 và 2 chuyển tiếp sang học năm 3 và 4 tại một cơ sở giáo dục nước ngoài)												
73	Thực tập tốt nghiệp NNA <i>Graduation Internship</i>	Môn mới	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
74	Khoá luận tốt nghiệp <i>(Graduation Thesis)</i>	Môn mới	5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
	Cộng		124										

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ứng dụng AI, ngoại ngữ hai... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

Bảng 3 Phân bổ thời lượng và cấu trúc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %
I	Kiến thức giáo dục đại cương	17	35	28.23
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó	28	80	64.52
1	Kiến thức cơ sở ngành	13	38	30.65
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	13	38	30.65
1.1.1	Bắt buộc	12	35	28.23
1.1.2	Tự chọn	1	3	2.42
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00
1.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00
1.2.2	Tự chọn	0	0	0.00
2	Kiến thức ngành	8	24	19.35
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	8	24	16.94
2.1.1	Bắt buộc	7	21	14.52
2.1.2	Tự chọn	1	03	2.42
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00
2.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00
2.2.2	Tự chọn	0	0	0.00
3	Kiến thức chuyên ngành	6	18	14.52
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	5	15	12.10
3.1.1	Bắt buộc	1	03	2.42
3.1.2	Tự chọn	3	6	4.84
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	3	2.42
4	Thực tập tốt nghiệp	1	4	3.23
III	Đồ án tốt nghiệp	1	5	4.03
Cộng		46	124	100

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

13. Mô tả tóm tắt các học phần

13.1. Triết học Mác - Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3TC

Chương trình học phần Triết học Mác - Lênin ban hành theo Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần dùng để giảng dạy cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị. Học phần gồm 3 chương cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin, bao gồm: triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân. Xây dựng ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu, thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

13.2. Kinh tế Chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2

Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, về kinh tế hàng hoá, thị trường và nền kinh tế thị trường cũng như các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường, học thuyết về giá trị thặng dư của C Mác, về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học niềm tin và ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

13.3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2

Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

13.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mã môn học: 003928

TC: 2

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

13.6. Pháp luật đại cương

Mã môn học: 002018

TC: 2

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác. Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: hiến pháp, hình sự, dân sự, hành chính, phòng chống tham nhũng.

13.7. Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp

Mã môn học: 004551

TC: 3

Quản lý là một hoạt động phổ biến ở tất cả các lĩnh vực xã hội, tất cả các loại hình tổ chức, ở tất cả các cấp độ khác nhau. Khoa học quản lý có nhiệm vụ khái quát những tri thức quản lý ở tất cả các lĩnh vực, các tổ chức, các cấp tạo nên hệ thống tri thức khoa học hữu ích nhằm đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội.

Môn học Đại cương về quản lý điều hành và khởi nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp quản lý. Để từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn trong hoạt động của cá nhân, đội nhóm, tập thể cũng như hoạt động chuyên môn như: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

Đồng thời, môn học cung cấp các kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, từ đó nâng cao nhận thức của sinh viên và hình thành tư duy đúng đắn trong lựa chọn nghề nghiệp và sáng tạo giá trị; Cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, công cụ cơ bản để xây dựng các ý tưởng khởi nghiệp, phát triển, quản lý và điều hành các dự án khởi nghiệp dựa trên thế mạnh của bản thân và quan sát thị trường.

13.8. Cơ sở văn hóa Việt Nam (*Introduction to Vietnamese Culture*)

Mã môn học: 004546

TC: 3

Cơ sở văn hoá Việt Nam cung cấp những kiến thức nền tảng về bản sắc văn hóa dân tộc, sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Đồng thời, học phần này còn giúp sinh viên hiểu rõ các giá trị văn hóa truyền thống và sự giao thoa với văn hóa thế giới.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát về văn hoá, từ đó có thể giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hóa Việt Nam như: mối

quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hóa; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây. Đồng thời, bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

13.9. Văn hóa các nước ASEAN (*Introduction to Southeast Asian Cultures*)

Mã môn học: TC: 3

Học phần Văn hóa các nước ASEAN là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo hệ đại học chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Học phần này giới thiệu kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức ASEAN. Các thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của từng thành viên trong Hiệp hội ASEAN.

13.10. Tâm lý học giáo dục

Mã môn học: TC: 3

Học phần Tâm lý học Giáo dục thuộc kiến thức ngành môn học tự chọn. Học phần này trang bị, hướng dẫn cho SV sau khi tốt nghiệp làm quản lý trong lĩnh vực giáo dục hoặc giảng dạy Tiếng Anh về những vấn đề chung của tâm lý học, nhận thức và học tập, nhân cách và sự hình thành nhân cách, tâm lý học sư phạm. Về kỹ năng, môn học này giúp SV sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo và trí tuệ trong dạy học, đạo đức và vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh, nhân cách và sự hình thành nhân cách người giáo viên.

13.11. Tiếng Trung 1

Mã môn học: TC: 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, cách phát âm tiếng Hán hiện đại, cách viết chữ Hán và giao tiếp thông thường với khoảng 80 từ vựng và một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

13.12. Tiếng Trung 2

Mã môn học: TC: 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, cách phát âm tiếng Hán hiện đại, cách viết chữ Hán và giao tiếp thông thường với khoảng 150 từ vựng và một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

13.13. Tiếng Trung 3

Mã môn học: TC: 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, cách phát âm tiếng Hán hiện đại, cách viết chữ Hán và giao tiếp thông thường khoảng 200 từ vựng và một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

13.14. Tiếng Trung 4

Mã môn học: TC: 2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, cách phát âm tiếng Hán hiện đại, cách viết chữ Hán và giao tiếp thông thường khoảng 250 từ vựng và một số cấu trúc ngữ pháp cơ bản.

13.15. Tiếng Nhật 1

Mã môn học: TC: 3

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống chữ viết trong tiếng Nhật: bảng chữ cái Hiragana, bảng chữ cái Katakana, bản phiên âm Romaji và các kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe – nói – đọc – viết gắn liền quan đến các chủ đề gần gũi với sinh hoạt hằng ngày như giới thiệu bản thân, đồ vật và địa điểm, thời gian và lịch trình, phương tiện giao thông. Sinh viên sẽ được rèn luyện khả năng giao tiếp cơ bản thông qua các mẫu câu phổ biến, đồng thời làm quen với cách sử dụng trợ từ, động từ cơ bản và các mẫu hội thoại thường gặp.

13.16. Tiếng Nhật 2

Mã môn học: TC: 3

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe – nói – đọc – viết theo một hệ thống kiến thức chuẩn và các chủ điểm gắn liền với các hoạt động sinh hoạt thường nhật ở trình độ sơ cấp như thói quen hàng ngày, giao tiếp trong mua bán, mô tả con người và sự vật, cách diễn đạt sở thích, tình trạng sức khỏe, thời tiết, đếm số lượng, chỉ đường. Sinh viên sẽ được rèn luyện cách sử dụng các cấu trúc câu phổ biến, thực hành hội thoại theo tình huống thực tế và nâng cao khả năng diễn đạt bằng tiếng Nhật trong giao tiếp hàng ngày.

13.17. Tiếng Nhật 3

Mã môn học: TC: 2

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe – nói – đọc – viết theo một hệ thống kiến thức chuẩn và các chủ điểm gắn liền với các hoạt động sinh hoạt thường nhật ở trình độ sơ cấp như yêu cầu và nhờ vả, diễn đạt hành động đang diễn ra, kinh nghiệm cá nhân, cách thể hiện ý kiến, xin phép và cảm đoán, diễn đạt tình trạng sức khỏe, nhận và cho sự giúp đỡ. Sinh viên sẽ được thực hành giao tiếp với các mẫu câu thông dụng, phát triển kỹ năng đối thoại theo tình huống thực tế và nâng cao khả năng diễn đạt ý kiến cá nhân bằng tiếng Nhật.

13.18. Tiếng Nhật 4

Mã môn học: TC: 2

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nghe – nói – đọc – viết theo một hệ thống kiến thức chuẩn và các chủ điểm gắn liền với các hoạt động sinh hoạt thường nhật ở trình độ sơ cấp như cách sử dụng thể lịch sự, diễn đạt ý kiến và dự đoán, so sánh hơn – kém, mô tả trạng thái, bày tỏ mong muốn, đề xuất và mời gọi, diễn đạt lý do và ý định tương lai. Sinh viên sẽ được thực hành hội thoại với các cấu trúc ngữ pháp đã học, nâng cao khả năng diễn đạt tự nhiên và sử dụng tiếng Nhật linh hoạt trong giao tiếp hàng ngày.

13.19. Ứng dụng CNTT cơ bản

Mã môn học: 001893 TC: 2

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là một học phần mang tính khoa học và ứng dụng cao, nội dung học phần được xây dựng theo các mô đun quy định tại Khoản 1 Điều 2 về “Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

13.20. Ứng dụng chuyển đổi số

Mã môn học: TC: 2

Học phần Ứng dụng công nghệ số trong ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò và ứng dụng của công nghệ số trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh, bao gồm học tập, giảng dạy, dịch thuật, và nghiên cứu ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng các công cụ và nền tảng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả học tập và làm việc. Đồng thời, môn học cũng giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với các xu hướng công nghệ mới trong kỷ nguyên số.

13.21. Năng lượng cho phát triển bền vững

Mã môn học: 004552 TC: 2

Học phần gồm các nội dung: Các chính sách phát triển năng lượng, xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới và Việt Nam; Các khái niệm cơ bản về hệ thống năng lượng; Nhu cầu sử dụng năng lượng; Các cơ quan quản lý năng lượng Việt Nam; Cấu trúc hệ thống điện Việt Nam; Sơ đồ quản trị các nhà máy điện, công nghệ sản xuất điện và các phương pháp lưu trữ điện năng; Khái niệm về biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng bền vững bảo vệ môi trường.

13.22-25. Giáo dục quốc phòng

Mã môn học: 004342, 004343, 004344, 004345 TC: 11TC

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng ở trường, lớp.

13.26 - 13.29. Giáo dục thể chất

Mã môn học: 000801,000808,000813,000816 TC: 4TC

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHĐL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn

luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

13.30. Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng (*Public Speaking*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong diễn thuyết trước công chúng. Nội dung bao gồm các nguyên tắc quan trọng của hùng biện, cách chuẩn bị bài phát biểu, điều chỉnh giọng nói, sử dụng ngôn ngữ cơ thể, xử lý tình huống trong giao tiếp và thuyết phục khán giả. Kết thúc học phần, sinh viên thực hiện bài thuyết trình tự tin và làm chủ sân khấu.

13.31. Dẫn luận ngôn ngữ

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Dẫn luận ngôn ngữ thường nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, bao gồm lý thuyết, lịch sử và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nền tảng vững chắc cho sinh viên trong lĩnh vực ngôn ngữ, từ đó hỗ trợ cho các môn học chuyên sâu hơn trong chương trình đào tạo.

13.32. Giao tiếp liên văn hoá (*Intercultural Communication*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Giao tiếp liên văn hóa trang bị cho sinh viên nền tảng vững chắc về sự đa dạng văn hóa và tác động của văn hóa đối với quá trình giao tiếp. Khóa học cung cấp kiến thức chuyên sâu cùng các kỹ năng thực tiễn, giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu, đặc biệt là trong môi trường đa văn hóa. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các mô hình giao tiếp liên văn hóa, phân tích sự khác biệt giữa các nền văn hóa và rèn luyện kỹ năng giao tiếp linh hoạt, phù hợp với nhiều bối cảnh giao tiếp khác nhau.

13.33. Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 1 (*Listening -Speaking & Critical*

Thinking 1)

Mã môn học:

TC: 3TC

Nội dung học phần giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích ngôn ngữ, hiểu rõ về cấu trúc, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ, qua đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có khả năng áp dụng kiến thức về ngôn ngữ vào thực tiễn, từ đó góp phần vào các lĩnh vực như giảng dạy ngôn ngữ, biên dịch, nghiên cứu văn hóa và các ngành nghề liên quan đến giao tiếp và truyền thông.

13.34. Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 1 (*Reading - Writing & Critical*

Thinking 1)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Đọc - Viết và Tư duy phản biện Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành

Ngôn ngữ Anh của trường Đại Học Điện Lực. Nội dung học phần cung cấp các kiến thức ngôn ngữ gồm hệ thống từ vựng, ngữ pháp và các chủ đề gần, gũi quen thuộc trong đời sống xã hội hàng ngày như môi trường sống, giao thông vận tải, các loài động vật, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa..v.v., và các kỹ năng Đọc-Viết cơ bản ở nửa đầu trình độ trung cấp bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

13.35. Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 2 (*Listening -Speaking &Critical Thinking 2*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Nghe, Nói & Tư duy phản biện 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Điện Lực. Tiếp nối Nghe, Nói & Tư duy Phản biện 1, học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề sức khỏe, nghiên cứu phát minh, thời trang và kinh tế, giúp người học tự tin xử lý các tình huống giao tiếp trong môi trường nói tiếng Anh khi người đối thoại sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc. Ngoài việc củng cố năng lực tiếng Anh, học phần còn chú trọng phát triển tư duy phản biện, giúp người học nâng cao khả năng lập luận, phân tích và diễn đạt ý kiến một cách logic. Hoàn thành học phần, người học có thể giao tiếp hiệu quả hơn và đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

13.36. Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 2 (*Reading - Writing & Critical Thinking 2*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Đọc – Viết và Tư duy phản biện 2 là học phần kế tiếp của học phần Đọc – Viết và Tư duy phản biện 1. Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng hình thành ý tưởng; xây dựng hệ thống ngữ liệu để có thể giao tiếp, sử dụng tiếng Anh một cách chuẩn xác, mạch lạc, có được các kiến thức nền tảng vững vàng; triển khai các ý tưởng thông qua hai kỹ năng Đọc - Viết tiếng Anh và phát triển tư duy phản biện; đánh giá, cải tiến các kỹ năng Đọc - Viết tiếng Anh, giúp người học đạt trình độ bậc 3/6 Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam. Người học phải đạt từ điểm D trở lên mới được đăng ký học tiếp học phần Kỹ năng Đọc – Viết và tư duy phản biện 3.

13.37. Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 3 (*Listening -Speaking & Critical Thinking 3*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Nghe, Nói & Tư duy phản biện 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Điện Lực, tiếp nối từ học phần Nghe, Nói & Tư duy Phản biện 2. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về các chủ đề quan trọng như toàn cầu hóa, giáo dục, y tế và môi trường, giúp họ tự tin giao tiếp hiệu quả trong môi trường nói tiếng Anh với những cuộc đối thoại rõ ràng và mạch lạc. Học phần không chỉ nâng cao năng lực ngôn ngữ của người học mà còn góp phần phát triển tư duy phản biện, giúp người học tiến gần hơn đến năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

13.38. Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 3 (*Reading - Writing & Critical*

Thinking 3)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Đọc - Viết và Tư duy phản biện Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại Học Điện Lực. Nội dung học phần tiếp tục cung cấp các kiến thức ngôn ngữ gồm hệ thống từ vựng, ngữ pháp và các chủ đề vĩ mô hơn trên thế giới như vấn đề toàn cầu hóa, y tế, môi trường...v.v..., và đồng thời học phần cũng trang bị các kỹ năng Đọc-Viết mang tính học thuật cao hơn mức độ trên trung cấp bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu)

13.39. Kỹ năng Nghe - Nói và Tư duy phản biện 4 (*Listening -Speaking & Critical*

Thinking 4)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Nghe, Nói & Tư duy phản biện 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Điện Lực. Tiếp nối Nghe, Nói & Tư duy Phản biện 3, học phần này nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và tư duy phản biện của người học, trang bị cho họ kiến thức về các chủ đề như kiến trúc, năng lượng, nghệ thuật và tuổi tác thông qua các bài tập nghe nói. Học phần giúp người học tự tin xử lý các tình huống giao tiếp trong môi trường tiếng Anh, đồng thời phát triển khả năng lập luận, phân tích và diễn đạt ý kiến một cách logic và thuyết phục. Học phần không chỉ củng cố năng lực tiếng Anh ở mức độ cao hơn mà còn chú trọng phát triển tư duy phản biện sâu sắc hơn, giúp sinh viên đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

13.41. Kỹ năng Đọc- Viết và Tư duy phản biện 4 (*Reading - Writing & Critical*

Thinking 4)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Đọc - Viết và Tư duy phản biện Tiếng Anh 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại Học Điện Lực. Nội dung học phần tiếp tục cung cấp các kiến thức ngôn ngữ gồm hệ thống từ vựng, ngữ pháp và các chủ đề có tính trừu tượng, mang tính học thuật cao như kiến trúc, mỹ thuật, thời trang, năng lượng, sự già hóa...v.v..., đồng thời học phần hướng dẫn sinh viên tự trang bị thêm một số kỹ năng học thuật liên quan đến hai kỹ năng Đọc – Viết cơ hội rèn luyện kỹ năng Đọc -Viết mức độ trên trung cấp (trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu)

13.41. Viết nội dung sáng tạo (*Content and Creation Writing*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Viết sáng tạo là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết về phong cách viết chuyên nghiệp, các bước viết chuyên nghiệp,

cách thức nền tảng nhấn tin và mạng xã hội đến các hình thức giao tiếp truyền thống từ email và bài thuyết trình đến đề xuất và thư xin việc, thông báo và báo cáo bằng tiếng Anh. Sinh viên được giới thiệu và rèn luyện các kỹ thuật khả năng viết ngắn gọn, rõ ràng, hiệu quả, chuyên nghiệp rèn luyện cách xử lý những bài viết khi họ thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

13.42. Quản lý dự án quốc tế (*International Project Management*)

Mã môn học:

TC: 2TC

Quản lý Dự án Quốc tế là môn học trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý các dự án quốc tế, các chương trình quốc tế, đặc biệt chú trọng các dự án và chương trình đầu tư/ kinh doanh đa quốc gia của các tổ chức và doanh nghiệp. Các chủ đề chính bao quát khung kiến thức căn bản về đặc trưng dự án quốc tế, vị trí và mối quan hệ của dự án trong chiến lược quốc tế tổng thể của tổ chức, quy trình quản lý và nội dung các giai đoạn trong quản lý dự án quốc tế, và khảo sát tình huống một số dạng dự án quốc tế tiêu biểu.

13.43. Ngôn ngữ và truyền thông (*Language and Media*)

Mã môn học:

TC: 2TC

Học phần Ngôn ngữ và Truyền thông cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và các hình thức truyền thông trong xã hội. Nội dung học phần này bao gồm các khái niệm về ngôn ngữ, các mô hình truyền thông, và cách thức mà ngôn ngữ được sử dụng để truyền tải thông tin, biểu đạt ý tưởng và xây dựng mối quan hệ giữa các cá nhân và nhóm.

13.44. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý (*Leadership and Management skills*)

Mã môn học:

TC: 2TC

Học phần cung cấp kiến thức về nền tảng kinh doanh cho doanh nghiệp, kiến thức về quản lý và các kỹ năng cần thiết như làm việc nhóm hiệu quả, lãnh đạo và tạo động lực trong công việc, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Học phần bao gồm 5 nội dung chính: Nền tảng kinh doanh của doanh nghiệp; Nhà quản lý và các kỹ năng cần thiết; Làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; Lãnh đạo và tạo động lực; Giải quyết vấn đề và ra quyết định.

13.45. Ngữ âm thực hành (*Practical Pronunciation*)

Mã môn học:

TC: 2TC

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách phát âm của các âm thanh và từ đơn lẻ khi tách biệt, giải thích cách phát âm của các từ chức năng trong lời nói kết nối, xác định các cơ quan phát âm, mô tả các âm phụ âm, xác định các nguyên âm (nguyên âm đơn, nguyên âm đôi và nguyên âm ba), hoạt động phiên âm, cấu trúc âm tiết và vị trí nhấn trọng âm, các cơ quan phát âm các phụ âm liên quan đến vị trí phát âm, cách phát âm, giọng nói cũng như lực phát âm. Học phần còn tập trung vào cách phát âm các từ chức năng trong lời nói được nối.

13.46. Ngữ pháp ứng dụng (*English Grammar in Academic Writing*)

Mã môn học: 004691

TC: 2TC

Môn học Ngữ pháp ứng dụng trong học thuật là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ngữ pháp cần thiết để viết các văn bản học thuật rõ ràng, mạch lạc và hiệu quả. Sinh viên sẽ được học về các chủ điểm ngữ pháp quan trọng, phân tích các bài viết mẫu, thực hành viết và sửa lỗi, và sử dụng các công cụ hỗ trợ. Môn học này giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giao tiếp trong môi trường học thuật, đồng thời chuẩn bị cho các kỳ thi và các hoạt động nghiên cứu học thuật sau này.

13.47. Ngữ âm - Âm vị học (*Phonetics and Phonology*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh cơ sở lý thuyết nền tảng về hệ thống âm tiếng Anh, những khái niệm cơ bản trong ngữ âm và âm vị học. Sinh viên được học các kiến thức về mô tả âm, phân loại âm, cách tạo âm, cách đọc phiên âm, phân biệt âm và phát âm đúng các âm, từ, các câu có trọng âm và theo ngữ điệu chuẩn của người Anh.

13.48. Ngữ nghĩa học (*Semantics*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Ngữ nghĩa học cung cấp các kiến thức cơ bản về các đặc điểm ngữ nghĩa của từ, câu, phát ngôn và hội thoại trong tiếng Anh để từ đó sinh viên vận dụng vào việc thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, biên dịch và phiên dịch. Thông qua các nội dung chính của học phần như khái niệm nghĩa sở chỉ và nghĩa qui chiếu, nghĩa từ vựng, các quan hệ từ vựng, sự biến đổi nghĩa, nghĩa câu và mệnh đề, nghĩa phát ngôn và các hành động ngôn từ, học phần sẽ góp phần giúp sinh viên bước đầu có thể nghiên cứu được những vấn đề về lý thuyết Tiếng Anh cũng như nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh thực hành trong môi trường thực tế.

13.49. Ngữ dụng học (*Pragmatics*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngữ dụng học trong giao tiếp tiếng Anh như trực chỉ, quy chiếu, hàm ngôn, tiền giả định... để có thể vận dụng vào giao tiếp tiếng Anh, thực hành biên dịch và phiên dịch. Ngoài ra người học có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt. Người học có cơ hội rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ với các mục đích, ngữ cảnh, đối tượng khác nhau và hỗ trợ trong quá trình giao tiếp.

13.50. Văn hoá - Văn học các nước nói tiếng Anh (*Culture - Literature of English-major speaking countries*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Môn học Ngữ pháp ứng dụng trong học thuật là một môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ngữ pháp cần thiết để viết các văn bản học thuật rõ ràng, mạch lạc và hiệu quả. Sinh viên sẽ được học về các chủ điểm ngữ pháp quan trọng, phân tích các bài viết mẫu, thực hành viết và sửa lỗi, và sử dụng các công cụ hỗ trợ. Môn học này giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giao tiếp trong môi trường học thuật, đồng thời chuẩn bị cho các kỳ thi và các hoạt động nghiên cứu học thuật sau này.

13.51. Biên dịch (*Translation*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Biên dịch là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết và kỹ năng cơ bản để làm nghề biên dịch chuyên nghiệp. Sinh viên được giới thiệu và rèn luyện các kỹ thuật biên dịch thông qua các tình huống, chủ đề thực tế và bài tập mô phỏng nhằm đảm bảo tính chính xác trong dịch thuật và rèn luyện cách xử lý những vấn đề thường gặp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp liên quan.

13.52. Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu (*Contrastive Linguistics*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu cung cấp cho người học công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ, cung cấp các thao tác cụ thể để sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ. Người học phân biệt được các phân ngành ngôn ngữ học theo hướng so sánh, các mối quan hệ của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu với các khoa học khác, Người học tổng hợp được các nội dung chủ yếu trong đối chiếu các ngôn ngữ như các nguyên tắc đối chiếu, các bước đối chiếu, phương pháp đối chiếu, v.v. Người học so sánh, đối chiếu hai ngôn ngữ cụ thể trên một số bình diện như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

13.53. Phiên dịch (*Interpretation*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Phiên dịch là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch khác nhau gồm dịch xuôi và dịch ngược; rèn luyện cho sinh viên các phẩm chất cần có của người phiên dịch trong mỗi kỹ năng dịch; cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng dịch này theo các chủ đề: kinh tế, thương mại, chính trị, xã hội, văn hoá, ngoại giao, giáo dục, y tế... Tài liệu sử dụng cho học phần này là những bài báo, tin tức thời sự... về những tình hình đang xảy ra tại thời điểm học nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho sinh viên. Nội dung các buổi học được thiết kế hướng đến nhằm trang bị cho sinh viên khả năng: (i) Nghe và phân tích thông điệp; (ii) Dịch xuôi từng câu/ từng đoạn không ghi chép (*Consecutive interpretation without note-taking*). Phần lý thuyết trong học phần nhằm giới thiệu các khái niệm cơ bản trong hoạt động phiên dịch. Phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên cơ hội được thực hành, luyện tập dịch các bài phát biểu được thiết kế giống tình huống hội thảo, tọa đàm, hoặc workshop thực tế để sinh viên được luyện tập kỹ năng, kỹ thuật dịch xuôi (*consecutive*) hội nghị."

13.54. Phân tích diễn ngôn (*Discourse Analysis*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Phân tích diễn ngôn cung cấp cho sinh viên kiến thức về lý thuyết và phương pháp phân tích diễn ngôn trong ngôn ngữ học. Nội dung bao gồm các khái niệm cơ bản về diễn ngôn, các mô hình phân tích diễn ngôn, mối quan hệ giữa ngữ

cảnh và diễn ngôn, cũng như ứng dụng của phân tích diễn ngôn trong các lĩnh vực như truyền thông, quảng cáo, kinh tế, kỹ thuật.

13.55. Cú pháp học (Syntax)

Mã môn học:

TC: 3TC

Cú pháp học (Syntax) nhằm giúp sinh viên hệ thống hoá và củng cố lại kiến thức đã học trong các học phần viết và ngữ pháp, tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ. Môn học này cung cấp kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp nhằm giúp người học có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Đặc biệt môn Cú pháp học cũng góp phần cùng các bộ môn khác rèn tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.

13.56. Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh một cái nhìn tổng quan về sự phát triển của các nền văn minh trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Môn học sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ảnh hưởng của các sự kiện lịch sử, các nền văn hóa và các hình thức giao tiếp toàn cầu trong sự phát triển của nhân loại, đồng thời nâng cao khả năng phân tích và tư duy phản biện đối với các vấn đề lịch sử và văn hóa. Học phần tập trung vào các giai đoạn quan trọng trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại, từ thời kỳ cổ đại đến hiện đại. Các chủ đề sẽ bao gồm sự phát triển của các nền văn hóa, triết học, tôn giáo, nghệ thuật, và khoa học. Sinh viên sẽ được học các sự kiện lớn của lịch sử thế giới, đặc biệt là các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa, ngôn ngữ và xã hội, đồng thời kết nối những yếu tố này với ngôn ngữ và văn hóa Anh.

13.57. Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh (Theories and Methods of Teaching English)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Lý luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cung cấp kiến thức nền tảng về lý thuyết và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh. Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp và phương hướng giảng dạy ngoại ngữ phổ biến, một số thủ thuật đặc trưng của những phương pháp và phương hướng này, kiến thức và kỹ năng thực hành thiết kế bài giảng, quản lý lớp học và đánh giá người học. Ngoài ra, học phần còn trang bị kỹ năng dạy các kỹ năng ngôn ngữ Nghe, Nói, Đọc, Viết và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh.

13.58. Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ 1 (English for Engineering & Technology 1)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần này cung cấp kiến thức, từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ thực tế về điện lĩnh vực kỹ thuật và điện tử, như cấu trúc vật chất và cấu trúc nguyên tử; lực tĩnh điện; dòng điện và mạch điện; dây dẫn và chất bán dẫn; năng lượng cơ học và hóa học, máy biến áp và hệ thống điện (phát điện, truyền tải điện và phân phối); từ thông và cảm ứng điện từ... tạo nền tảng vững chắc cho kiến thức, ngôn ngữ chuyên ngành phục vụ cho học phần biên phiên dịch cũng như sự nghiệp sau này. Ngoài ra, môn học còn tạo cơ

hội cho sinh viên củng cố, trau dồi kiến thức thực tiễn kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thảo luận và kỹ năng thuyết trình mà sinh viên đã được học ở các khóa học trước.

13.59. Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ 2 (*English for Engineering & Technology 2*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Khóa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và tổng quát về cấu trúc, phân loại, nguyên lý hoạt động và ứng dụng của một số máy móc phổ biến, cũng như các tính chất, phân loại, quy trình sản xuất và ứng dụng của vật liệu. Sinh viên cũng có cơ hội thực hành và củng cố bốn kỹ năng tiếng Anh: nói, đọc, viết, nghe, cũng như các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng dịch thuật trong lĩnh vực Kỹ thuật Cơ khí và Xây dựng. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện và nâng cao các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp, v.v.

13.60. Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ 3 (*English for Engineering & Technology 3*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành CNL và môi trường. Giúp người học hiểu được các văn bản về CNL và môi trường. Biết vận dụng kiến thức chuyên ngành tiếng Anh để đọc và nghiên cứu các tài liệu tham khảo về CNL và môi trường, có khả năng giao tiếp đọc, dịch, viết, các tài liệu có liên quan.

13.61. Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ 4 (*English for Engineering & Technology 4*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông. Giúp người học hiểu được các văn bản về công nghệ thông tin và truyền thông. Biết vận dụng kiến thức chuyên ngành tiếng Anh để đọc và nghiên cứu các tài liệu tham khảo về CNTT và truyền thông, có khả năng đọc, dịch, viết, các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành tương tác với các xu hướng CNTT và truyền thông mới trong ngôn ngữ tiếng Anh.

13.62. Thực hành Tiếng Anh Kỹ thuật và Công nghệ (*Practice of English for Engineering & Technology*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần nhằm củng cố kiến thức nền tảng của năm mô-đun Tiếng Anh chuyên ngành (ESP) đã được học trong các học kỳ trước, bao gồm: Tiếng Anh cho Kỹ thuật Điện và Điện tử, Tiếng Anh kỹ thuật cơ khí và xây dựng, Tiếng Anh công nghệ năng lượng và môi trường, Tiếng Anh công nghệ thông tin và truyền thông. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên cơ hội tìm hiểu các đặc điểm của phương pháp Học tập Dựa trên Dự án (PBL) và quy trình thực hiện dự án, thảo luận và lựa chọn một vấn đề cần giải quyết, xác định vai trò của các thành viên tham gia, lập kế hoạch thời gian, tìm kiếm tài nguyên phù hợp, thiết kế mô hình/tờ tin/video, đồng thời trình bày và bảo vệ kết quả của dự án. Học phần cũng hướng đến việc rèn luyện cho sinh viên

kĩ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc có sử dụng các ngôn ngữ chuyên ngành kĩ thuật.

13.63. Tiếng Anh thương mại Du lịch 1 (*English for Business and Tourism 1*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và thuật ngữ trong giao tiếp kinh doanh, mô tả các mô hình giao tiếp kinh doanh khác nhau, quy trình giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp kinh doanh, rào cản giao tiếp cũng như cách khắc phục giúp sinh viên giao tiếp tự tin trong các chủ đề chuyên sâu trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh quốc tế. Chương trình cung cấp kiến thức chung về văn hóa làm việc và giao tiếp tại công sở giúp sinh viên giao tiếp trôi chảy, tự nhiên trong môi trường làm việc bằng Tiếng Anh.

13.64. Tiếng Anh thương mại Du lịch 2 (*English for Business and Tourism 2*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần cung cấp nền tảng kiến thức cơ bản về ngành du lịch, bao gồm hệ thống thuật ngữ và cấu trúc ngôn ngữ chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực du lịch như mô hình tổ chức du lịch, phương tiện di chuyển, loại hình lưu trú, dịch vụ ẩm thực, hoạt động giải trí. Ngoài ra, học phần trang bị kỹ năng lập kế hoạch và thực hiện quy trình đặt trước các dịch vụ du lịch, đồng thời giới thiệu tổng quan về văn hóa và hoạt động du lịch tại các quốc gia sử dụng tiếng Anh như Anh, Mỹ và một số nước châu Âu. Thông qua quá trình học tập, người học sẽ phát triển và nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe, nói, đọc, viết và thuyết trình trong các bối cảnh du lịch.

13.65. Tiếng Anh thương mại Du lịch 3 (*English for Business and Tourism 3*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và thuật ngữ tiếng Anh thương mại ở cấp độ B2, giúp sinh viên có thể tự tin trong môi trường thương mại và kinh doanh quốc tế. Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy theo các chủ đề thương mại quen thuộc thuộc chuyên ngành tiếng Anh thương mại, khả năng tự học, tự nghiên cứu, tạo nền tảng cho phát triển nghề nghiệp tương lai.

13.66. Tiếng Anh thương mại Du lịch 4 (*English for Business and Tourism 4*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ và thuật ngữ tiếng Anh thương mại ở cấp độ Advanced. Học phần giúp người học có khả năng vận dụng các từ vựng, thuật ngữ thuộc các ngữ cảnh tiếng Anh chuyên ngành để tổng hợp, phân tích và trao đổi ý tưởng bằng tiếng Anh.

13.67. Thực hành Tiếng Anh Kinh tế Thương mại Du lịch (*English Practicum for Economics, Business and Tourism English*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần nhằm củng cố kiến thức nền tảng của bốn học phần tiếng Anh kinh tế thương mại và du lịch trước đó, giúp sinh viên sử dụng trôi chảy từ vựng về các chủ đề liên quan đến các hoạt động kinh tế thương mại và du lịch. Học phần cũng tạo cơ

hội nâng cao cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cho sinh viên thực hành thảo luận, làm việc nhóm, v.v... cũng như rèn luyện các kỹ năng thông qua các tình huống mô phỏng, các dự án và nhiệm vụ khác nhau trong ngành kinh doanh thương mại và du lịch.

13.68. Biên dịch chuyên ngành (*Translation for Specific Purposes*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần trang bị cho người học từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, thuật ngữ chuyên ngành về Kinh doanh-Thương mại và Du lịch ở mức độ chuyên sâu. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học kỹ năng biên dịch cơ bản trong các lĩnh vực chuyên ngành. Sinh viên được thực hành biên dịch tóm tắt các tài liệu trình bày trong các hội nghị, hội thảo, diễn đàn chuyên ngành theo các chủ đề Kinh doanh-Thương mại và Du lịch. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng biên dịch thành thạo, linh hoạt và chính xác các chủ đề trên.

13.69. Dịch hội thảo: Lý thuyết và thực hành (*Conference Interpretation: Theories and Practice*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Môn học cung cấp cho sinh viên lý thuyết phiên dịch kết hợp với thực hành phiên dịch nâng cao, kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật, các kỹ năng và thủ thuật phiên dịch như kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng ghi chép, kỹ năng trình bày, kỹ năng xử lý tình huống phiên dịch, những khó khăn phiên dịch thường gặp và cách khắc phục. Sinh viên được thực hành phiên dịch mô phỏng các Hội nghị, Hội thảo, Diễn đàn chuyên ngành theo các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, thương mại, giáo dục và du lịch. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng phiên dịch (dịch đuổi và dịch song song) trôi chảy, linh hoạt và chính xác các chủ đề trên.

13.70. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Tiếng Anh (*Research Methods in English*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp sinh viên nắm vững các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học. Học phần trang bị kỹ năng xây dựng cơ sở lý luận, thu thập và xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài, cũng như viết bài báo khoa học và luận văn tốt nghiệp. Qua đó, sinh viên phát triển tư duy nghiên cứu, khả năng phân tích, tổng hợp và trình bày kết quả khoa học, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập và ứng dụng vào thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

13.71. Thực tập doanh nghiệp 1 và báo cáo thực tập

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần giúp sinh viên làm quen các công việc thực tế tại nhà máy hoặc doanh nghiệp. Qua đó sinh viên học hỏi, tích lũy thêm được kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn tại cơ sở thực tập.

13.72. Thực tập doanh nghiệp 2 và báo cáo thực tập

Mã môn học:

TC: 3TC

Học phần này giúp sinh viên áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để làm các công việc mà doanh nghiệp giao. Sinh viên có cơ hội làm các công việc thực tế tại các cơ sở thực tập. Qua đó, sinh viên học hỏi và tích lũy thêm được các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn tại các doanh nghiệp.

13.73. Thực tập tốt nghiệp NNA (*Graduation Internship*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Thực tập tốt nghiệp trang bị cho sinh viên khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết tổng hợp vào thực tiễn, thông qua chuỗi hoạt động bao gồm lựa chọn đề tài, thực tập chuyên ngành, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và bảo vệ khóa luận. Trong quá trình thực tập, sinh viên dựa trên các định hướng đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh để nghiên cứu sâu về các vấn đề ngôn ngữ liên quan đến ngôn ngữ Anh hoặc thực trạng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường học tập hoặc làm việc để lựa chọn một đề tài nghiên cứu làm khóa luận tốt nghiệp.

13.74. Khóa luận tốt nghiệp NNA (*Graduation Thesis*)

Mã môn học:

TC: 3TC

Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết tổng hợp vào thực tiễn, thông qua chuỗi hoạt động bao gồm lựa chọn đề tài, thực tập chuyên ngành, thu thập và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và bảo vệ khóa luận. Trong quá trình thực tập, sinh viên dựa trên các định hướng đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh để nghiên cứu sâu về các vấn đề ngôn ngữ liên quan đến ngôn ngữ Anh hoặc thực trạng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường học tập hoặc làm việc để lựa chọn một đề tài nghiên cứu làm khóa luận tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2025

KHOA KHOA NGOẠI NGỮ

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS Đinh Văn Châu

Hoàng Thị Kim Oanh